

## **Phong trào làng mới ở Hàn Quốc và một số hàm ý về vai trò của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam**

**Nguyễn Tuấn Anh**

Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

**Tóm tắt:** Bài viết này bàn về phong trào làng mới ở Hàn Quốc và qua đó nêu lên một số hàm ý đối với vai trò của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam<sup>(1)</sup>. Trước hết, bài viết đề cập đến bối cảnh lịch sử, phương pháp thực hiện, các giai đoạn phát triển và những thành tựu chính cũng như nhân tố làm nên thành công của phong trào làng mới. Trên cơ sở đó, bài viết nhấn mạnh đến một số bình diện phản ánh vai trò của phụ nữ trong phong trào làng mới ở Hàn Quốc như: việc lãnh đạo phong trào ở làng, tổ chức phụ nữ ở nông thôn tham gia xây dựng làng mới, và sáng kiến của họ trong quá trình thực hiện phong trào. Đây cũng chính là những cơ sở để nêu lên một số hàm ý đối với vai trò của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** Phụ nữ; Nông nghiệp; Nông thôn; Nông thôn mới.

### **1. Dẫn nhập**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã

khẳng định mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới” (Ban Chấp hành Trung ương, 2008). Cụ thể hóa Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quyết định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới” (Thủ tướng Chính phủ, 2009), “Quyết định phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020” (Thủ tướng Chính phủ, 2010). “Kế hoạch triển khai Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” (Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, 2010) cũng được ban hành. Cho đến nay, chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam đã đi được chặng đầu tiên (2010-2015) và đang được tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2016-2020.

Khoảng 40 năm trước khi Việt Nam triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, ở Hàn Quốc phong trào làng mới/phong trào cộng đồng mới/chiến dịch tái xây dựng lại nông thôn (Saemaul Undong) được chính thức tuyên bố bắt đầu thực hiện vào ngày 22 tháng 4 năm 1970 (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 77). Phong trào làng mới không chỉ là dự án phát triển cộng đồng nông thôn mà còn là một dự án hiện đại hóa của Hàn Quốc (Chang Soo Choe, 2005: 1). Tinh thần và tư tưởng cơ bản của phong trào này được thể hiện qua phát biểu của tổng thống Hàn Quốc thời đó là Park Chung-Hee: “Phong trào làng mới thể hiện nỗ lực cải thiện, hiện đại hóa làng của chúng ta bởi chính chúng ta với tinh thần tự lực và độc lập. Chính phủ triển khai cuộc vận động này với sự tin tưởng chắc chắn rằng cuộc vận động sẽ làm cho mỗi làng ở Hàn Quốc thành một nơi thịnh vượng, sung túc để sống” (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 4). Phong trào làng mới cố gắng tạo nên sự hài hòa giữa hiện đại hóa và bảo tồn những giá trị truyền thống; giữa phát triển kinh tế và bảo tồn các giá trị văn hóa đi liền với bảo vệ môi trường tự nhiên. Phong trào làng mới được dẫn dắt bởi ba giá trị quan trọng của Hàn Quốc là chuyên cần, tự cường và hợp tác (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 5).

Cho đến nay, sau khoảng 40 năm kể từ ngày khởi đầu của phong trào làng mới ở Hàn Quốc, nhiều nghiên cứu khác nhau về phong trào này đã được triển khai. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ điểm lại một số nghiên cứu đáng lưu ý về phong trào làng mới ở Hàn Quốc, từ đó gọi ra một vài hàm ý về vai trò của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam.

## 2. Bối cảnh lịch sử và phương pháp thực hiện của phong trào làng mới

Nhiều yếu tố tạo nên bối cảnh của phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Trước hết, cần nhấn mạnh rằng hàng thế kỷ trước khi tiến hành hiện đại hóa, làng là trung tâm của đời sống nông thôn Hàn Quốc. Người nông dân Hàn Quốc định cư thành các cộng đồng tức là các làng – nơi ở và làm việc của họ. Sau cải cách ruộng đất được tiến hành trong những năm 1950, nhiều nông dân Hàn Quốc sở hữu diện tích đất canh tác nhỏ và một phần đất này được họ hiến tặng để thực hiện các dự án phát triển cộng đồng trong phong trào làng mới (Joon-Kyung Kim, 2013: 24). Thứ hai, một trong những yếu tố tạo thuận lợi cho việc thực hiện phong trào làng mới là tại thời điểm trước khi triển khai phong trào làng mới tỷ lệ người đọc thông viết thạo hay theo học những bậc học nhất định chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể là, nếu như năm 1945 số người lớn mù chữ ở Hàn Quốc khoảng 78% thì tỷ lệ này giảm xuống còn 14,7% vào năm 1968 (Joon-Kyung Kim, 2013: 24-25). Thứ ba, trước khi triển khai phong trào làng mới, ở các làng Hàn Quốc đã có những tổ chức và thiết chế cơ bản làm cơ sở cho việc xây dựng phong trào. Cấu trúc lãnh đạo và quản trị làng, các hội/hiệp hội truyền thống như câu lạc bộ phụ nữ, “hợp tác xã” nông nghiệp; “hợp tác xã” tín dụng là những thiết chế quan trọng hỗ trợ phong trào làng mới. Chẳng hạn, “hợp tác xã” tín dụng là nơi nông dân có thể gửi tiền tiết kiệm và vay tiền. Một bộ phận lớn nông dân đã dựa vào “hợp tác xã” tín dụng để vay vốn chứ không phải các hình thức tín dụng khác (Joon-Kyung Kim, 2013: 25). Điều kiện quan trọng thứ tư để triển khai phong trào làng mới là tài chính. Với những nỗ lực của chính phủ Hàn Quốc trong việc cải cách hành chính về thuế, nguồn thu từ thuế trong những năm 1970 đã giúp Hàn Quốc giảm phụ thuộc viện trợ nước ngoài, theo đuổi chính sách phát triển công nghiệp và chính sách phát triển nông thôn, đầu tư vào giáo dục và cơ sở hạ tầng (Joon-Kyung Kim, 2013: 29).

Về phương pháp của phong trào làng mới, nghiên cứu của Do Hyun Han (2012) với tên gọi “The Successful Cases of the Korea’s Saemaul Undong (New Community Movement)” (Những trường hợp thành công của phong trào cộng đồng mới ở Hàn Quốc) đã chỉ ra rằng phong trào này bắt đầu bởi một chương trình nông thôn đơn giản trong mùa đông năm 1970-1971. Với chương trình này, chính phủ cung cấp cho mỗi làng một số vật liệu xây dựng chẳng hạn như 335 bao xi măng cho mỗi làng. Với sự hỗ

trợ này, các dân cư của các làng huy động các nguồn lực để phát triển cộng đồng. Chương trình khởi đầu này đã đạt được những thành công đáng chú ý và trở thành một hình mẫu của phương pháp Saemaul - một phương pháp kết hợp giữa sự hỗ trợ của chính phủ và sự tự giúp đỡ của dân làng. Dân làng đóng góp sức lao động và đất đai của họ mà không đòi hỏi phải trả tiền. Dựa trên những thành công ban đầu này, chính phủ và dân cư các làng mở rộng phương pháp Saemaul để triển khai nhiều dự án đa dạng (Do Hyun Han, 2012).

Như vậy, có thể nhận xét rằng, phong trào làng mới ở Hàn Quốc được tiến hành trên cơ sở các cộng đồng nông thôn – các làng truyền thống nơi người nông dân định cư lâu dài. Xét về bối cảnh lịch sử, phong trào làng mới ở Hàn Quốc đã được triển khai trên cơ sở đạt được những điều kiện quan trọng về nhân lực, tài chính và thiết chế xã hội. Nói cách khác, có ba điều kiện quan trọng để triển khai phong trào làng mới ở Hàn Quốc. *Thứ nhất* là vốn con người, với nhóm dân số có tỷ lệ cao đọc thông viết thạo, được theo học những bậc học nhất định. *Thứ hai* là vốn xã hội qua các tổ chức, thiết chế quan trọng ở nông thôn làm cơ sở cho việc triển khai phong trào. *Thứ ba* là vốn tài chính, có sự hỗ trợ, đầu tư từ chính phủ.

### 3. Các giai đoạn phát triển của phong trào làng mới

Sau tuyên bố chính thức triển khai chiến dịch/phong trào làng mới của Tổng thống Park Chung-Hee ngày 22 tháng 4 năm 1970, phong trào đã có nhiều thay đổi trong quá trình phát triển. Nhìn một cách tổng thể có thể chia phong trào làng mới thành 5 giai đoạn, cụ thể như sau.

Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn thiết lập cơ sở nền tảng của phong trào. Giai đoạn này kéo dài trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến 1973. Giai đoạn này bắt đầu với chiến dịch “xây dựng làng tốt hơn”. Cụ thể là, chính phủ đã đưa ra hướng dẫn đối với “Mười dự án để xây dựng các làng tốt hơn” (Ten Projects for Constructing Better Village) như là một chương trình thí điểm. Để cải thiện điều kiện sống, chính phủ cấp cho hơn 33 nghìn làng, mỗi làng 335 bao xi măng và mỗi làng bầu chọn một nam giới và một phụ nữ để lãnh đạo dân làng xây dựng kế hoạch và thực hiện các dự án cần thiết đối với làng. Các dự án tập trung vào: cải thiện môi trường sống, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình, nâng cao tính cần cù, thanh đạm, từ bỏ lối sống suy đồi, xây dựng môi trường hợp tác. Cùng với các dự án, các tổ chức và hệ thống hỗ trợ phong trào làng mới được thiết lập từ chính

phủ trung ương đến địa phương. Cơ sở huấn luyện lãnh đạo phong trào làng mới được mở để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 12-13).

Giai đoạn thứ hai, từ năm 1974 đến 1976, là giai đoạn đẩy mạnh sự phát triển. Đây là giai đoạn thành lập phong trào làng mới như là một chiến dịch mang tính quốc gia. Phong trào mở rộng ra đến cả nhà máy và tổng công ty. Mục tiêu và phạm vi của phong trào dần được mở rộng. Nhiều tổ chức, nhân lực, tài chính được huy động cho phong trào. Việc đào tạo để phục vụ phong trào được đẩy mạnh nhằm giúp những người lãnh đạo phong trào nâng cao năng lực. Cơ hội giáo dục cũng đến với những người lao động, những người lãnh đạo dư luận và công dân nói chung nhằm đẩy mạnh sự hiểu biết về phong trào và thái độ đối với phong trào (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 13-14).

Giai đoạn thứ ba, từ 1977 đến 1979, là giai đoạn cao điểm. Đây là giai đoạn nâng cao thành tựu của chiến dịch. Nhận thức được rằng nếu coi các làng là đơn vị cơ bản của việc thực thi chiến dịch thì sẽ giới hạn chương trình, nên phong trào tập trung vào lợi ích kinh tế bằng việc mở rộng đơn vị cơ bản của phong trào cũng như phạm vi của các dự án. Phong trào cũng liên kết khu vực nông thôn và khu vực đô thị chặt chẽ hơn để có thể tạo cộng đồng kết nối rộng. Việc chăn nuôi và trồng những loại cây chuyên dụng được khuyến khích. Các khu/công viên công nghiệp kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp được xây dựng trong nỗ lực gia tăng thu nhập cho hộ gia đình thông qua các nguồn phi nông nghiệp. Việc chỉnh trang làng được đẩy mạnh (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 14-15). Nếu như trong giai đoạn trước, các làng riêng lẻ là những đơn vị cơ bản thực hiện phong trào thì trong giai đoạn này có sự liên kết giữa các làng để các dự án có thể bao phủ một vùng. Điều này cho phép nhiều làng phát triển và góp chung tài nguyên tự nhiên lại và người dân ở các làng được sử dụng những tiện ích của cả vùng. Xu hướng này dẫn đến việc gia tăng khả năng phát triển và quản lý những dự án lớn nhờ vào việc gia tăng thu nhập và tích lũy ngân quỹ qua việc liên kết các làng. Các cộng đồng nông thôn – đô thị, các tập đoàn, nhà máy triển khai các dự án và hoạt động đáp ứng các yêu cầu và chức năng mang tính tổ chức (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 14-15).

Giai đoạn thứ tư là giai đoạn từ năm 1980 đến 1989. Phong trào làng

mới được dẫn dắt bởi chính phủ những năm 1970 đã chuyển sang cho khu vực tư nhân. Trung tâm làng mới Hàn Quốc được đăng ký như là một tập đoàn ngày 1 tháng 12 năm 1980. Ngày 13 tháng 12 năm 1980, đạo luật về thúc đẩy tổ chức phong trào làng mới có hiệu lực. Đây là chính sách nhằm mục đích trợ giúp và thúc đẩy các tổ chức phong trào làng mới được thành lập một cách tự nguyện bởi khu vực tư nhân. Trong giai đoạn này, phong trào cũng gặp phải tai tiếng liên quan đến quản lý ngân quỹ yếu kém. Tuy vậy, phong trào đã nỗ lực vượt qua những tác động tiêu cực này để lấy lại vai trò của nó dựa trên những cam kết đổi mới và thái độ tích cực (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 16).

Giai đoạn thứ năm, từ năm 1990 đến 1998, là giai đoạn phát triển tự chủ. Giai đoạn này được đặc trưng bởi việc: củng cố nền tảng của sự tự quản và tự lực, đáp ứng nhu cầu của tự do hóa và địa phương hóa, nỗ lực vượt qua khủng hoảng kinh tế. Những dự án ưu tiên trong giai đoạn này bao gồm: chăm lo môi trường sống tốt hơn ở các cộng đồng, trao truyền và thúc đẩy văn hóa truyền thống, hồi sinh kinh tế, thúc đẩy thương mại nông thôn – đô thị, phát triển môi trường làm việc chăm chỉ, lối sống lành mạnh, khôi phục giá trị đạo đức, thúc đẩy các dịch vụ tự nguyện. Trong giai đoạn này, hoạt động giáo dục (đối với nhân viên nhà nước, quan chức các công ty, sinh viên và dân chúng nói chung) được coi là hạt nhân của phong trào (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 17). Từ năm 2013, tại Hội nghị lãnh đạo Saemaul, Trung tâm Korea Saemaul Undong tiếp tục mở ra một thời kỳ mới của hy vọng qua việc truyền bá tư tưởng công dân với khẩu hiệu “Làm việc cùng nhau vì hạnh phúc quốc gia thông qua Saemaul Undong thứ hai” (Saemaul Undong Center, 2016: 12).

Như vậy, nếu không tính Saemaul Undong thứ hai thì phong trào làng mới đã trải qua năm giai đoạn phát triển với những đặc điểm riêng của phong trào trong mỗi giai đoạn trên cơ sở tinh thần, tư tưởng, mục tiêu, dự án, tổ chức và hoạt động của phong trào. Nhìn một cách tổng thể, phong trào làng mới được đánh giá là có vai trò không thể bàn cãi và thực sự ảnh hưởng đến sự phát triển và hiện đại hóa Hàn Quốc. Để rõ hơn về điều này, chúng ta sẽ bàn đến những kết quả chính của phong trào.

#### 4. Kết quả chính và những yếu tố tạo nên thành công của phong trào làng mới

Kết quả của phong trào làng mới được thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau. Một số chỉ báo quan trọng có thể nêu lên để làm minh chứng cho điều này. Trước hết là về mặt kinh tế, phong trào làng mới đã có vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa khu vực nông thôn Hàn Quốc. Thêm nữa, phong trào này còn tác động đến sự phát triển và hiện đại hóa của cả đất nước Hàn Quốc (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 48). Một chỉ báo cụ thể về khía cạnh kinh tế là sự gia tăng thu nhập của hộ gia đình nông dân Hàn Quốc sau 10 năm thực hiện phong trào làng mới. Cụ thể là năm 1970 trung bình một hộ gia đình nông dân ở Hàn Quốc có thu nhập là 255.800 Korean won. Con số này tăng lên 2.227.500 Korean won năm 1979 (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 23). Kinh tế các làng, khu vực nông thôn phát triển với cơ giới hóa nông nghiệp được thúc đẩy, quản lý sản xuất nông nghiệp được củng cố dẫn đến năng suất trong sản xuất nông nghiệp tăng lên (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 49-50). Đến cuối thập kỷ 1970, Hàn Quốc đã vượt qua được thâm hụt dai dẳng đối với việc cung cấp lương thực trong nước (Asian Development Bank, 2012). Thêm nữa, phong trào làng mới cũng làm thay đổi mang tính cách mạng hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn Hàn Quốc như đường sá, cầu cống, hệ thống cung cấp nước, nhà cửa, hệ thống lưới điện, v.v. (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 22).

Về mặt xã hội, phong trào làng mới đã nâng cao cơ hội giáo dục và hưởng thụ văn hóa của người dân. Chẳng hạn, trong lĩnh vực giáo dục, trong giai đoạn 1969-1979 có khoảng 12% đến 13% chủ hộ gia đình nông thôn có học vấn trung học hoặc cao hơn. Con số này tăng lên 30% vào năm 1979. Số người trong độ tuổi đi học (6 đến 24 tuổi) ở khu vực nông thôn tăng từ 59% năm 1970 lên 71,5% năm 1975 (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 50). Sinh hoạt ở nông thôn cũng được hiện đại hóa. Cụ thể là nhiều hộ gia đình có thiết bị điện tử, máy móc nông nghiệp. Cùng với giáo dục và văn hóa, dân chủ hóa đời sống xã hội và vị thế của phụ nữ cũng được gia tăng (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 50-51).

Thứ ba là về thay đổi tinh thần, thái độ. Một trong những điểm nổi bật

của phong trào là làm thay đổi thái độ của người dân theo hướng tích cực. Khảo sát năm 1970 cho thấy 52% số người được hỏi suy nghĩ tích cực về “tự lực”, “nỗ lực của bản thân”. Con số này tăng lên 82% ở cuộc khảo sát năm 1975. Một kết quả của khảo sát năm 1970 cho thấy chỉ có 48,9% số người được hỏi nói những người xung quanh họ và bản thân họ sẵn lòng chấp nhận cách nghĩ mới, công nghệ mới và phương pháp mới. Con số này tăng lên 80,5% năm 1975 (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 52).

Đánh giá về kết quả của phong trào làng mới, nhà nghiên cứu Do Hyun Han (2012) cho biết các cuộc khảo sát ở phạm vi quốc gia cho thấy hầu hết người dân Hàn Quốc tự hào cho rằng chiến dịch hiện đại hóa nông thôn này là một trong những trường hợp thành công nhất của lịch sử Hàn Quốc hiện đại. Phong trào làng mới hay phong trào cộng đồng mới này là một mô hình thành công của xóa đói giảm nghèo, thay đổi thái độ/cách mạng tinh thần và hiện đại hóa nông thôn. Phong trào này tạo lực đẩy cho hiện đại hóa nông thôn và tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc thập niên 1970. Thành công của phong trào đã đóng góp lớn cho sự phát triển của các khu vực nông thôn và tạo động lực cho người dân mong muốn về sự thịnh vượng, giàu có hơn trong tương lai (Do Hyun Han, 2012).

Cùng với nghiên cứu của Do Hyun Han, Sooyoung Park (2009) đã chỉ ra rằng phong trào làng mới đã góp phần giảm khoảng cách phát triển giữa các đô thị và các vùng nông thôn. Sự thành công của chương trình này dựa trên việc vận dụng những chiến lược cơ bản về giảm nghèo trong bối cảnh Hàn Quốc cùng với việc tạo cơ hội và trao quyền cho người dân nông thôn. Bài học quan trọng nhất từ phong trào làng mới là phong trào đã tạo ra biện pháp và chiến lược phù hợp và vận dụng được bối cảnh xã hội, kinh tế, chính trị cụ thể. Các nước đang phát triển nên nghiên cứu bối cảnh của họ cẩn trọng để có giải pháp phù hợp với bối cảnh của các nước đó (Sooyoung Park, 2009).

Đánh giá thành công của phong trào Saemaul Undong ở Hàn Quốc, nhà nghiên cứu Reed (2000) cũng cho rằng một lý do quan trọng để học hỏi phong trào này là phong trào đạt được thành công trong khoảng thời gian rất ngắn, chỉ trong thập kỷ 1970. Trong thời gian ngắn như vậy mà phong trào đã nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống ở các vùng nông thôn và giảm khoảng cách nông thôn – đô thị. Trong khi đó, hiện nay có rất nhiều



thất bại trên thế giới trong việc phát triển cộng đồng nông thôn. Vì vậy, phong trào làng mới cần được quan tâm nghiên cứu (Reed, 2010).

Một trong những câu hỏi quan trọng đặt ra là những nhân tố quan trọng nào góp phần làm nên thành công của phong trào làng mới ở Hàn Quốc. Về vấn đề này, Chang Soo Choe (2005) đã chỉ ra rằng phong trào Saemaul Undong của Hàn Quốc đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới là mô hình phát triển cộng đồng nông thôn thành công. Có một số yếu tố then chốt tạo nên thành công của Saemaul Undong. *Thứ nhất*, sự hỗ trợ và hướng dẫn của chính phủ trung ương đối với phong trào đóng vai trò vô cùng quan trọng trong toàn bộ thời gian của phong trào. *Thứ hai*, phong trào có sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. *Thứ ba*, phong trào tạo ra thành công lớn bởi nuôi dưỡng tầng lớp lãnh đạo cộng đồng được bầu lên bởi chính những người dân nông thôn. *Cuối cùng*, như là một phong trào đổi mới tư tưởng, phong trào này đã làm cho người dân thấm đẫm tinh thần cần cù, sự tin cậy lẫn nhau và tinh thần hợp tác (Chang Soo Choe, 2005).

### **5. Vai trò phụ nữ trong phong trào làng mới ở Hàn Quốc và hàm ý đối với vai trò phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam**

Một trong những bình diện đáng quan tâm khi đề cập đến phong trào làng mới ở Hàn Quốc là vai trò của phụ nữ. Vai trò của phụ nữ trong phong trào làng mới được thể hiện trên nhiều phương diện.

*Trước hết* là vai trò lãnh đạo phong trào của phụ nữ. Ngay từ giai đoạn đầu của phong trào, vai trò lãnh đạo của phụ nữ đã được thể hiện rõ. Cụ thể là, ngay từ đầu, tại mỗi làng, một người đàn ông và một người phụ nữ sẽ được bầu chọn để lãnh đạo phong trào ở làng trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện các dự án cần thiết đối với làng (The National Council of Saemaul Undong Movement, 1997: 14). Điều này tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển kỹ năng lãnh đạo của họ cũng như mở ra những cơ hội mới đối với họ (Do Hyun Han, 2012: 11). Việc phụ nữ được bầu là lãnh đạo mang lại nhiều tác động tích cực cho phong trào ở các làng, chẳng hạn như: gia tăng sự tham gia của phụ nữ vào phong trào, thúc đẩy sự tham gia phong trào/dự án ở những nam giới còn lưỡng lự, phê phán lối sống không lành mạnh ở nam giới, cải thiện lối sống, thúc đẩy việc học hành, đẩy mạnh tinh thần hợp tác và chương trình tín dụng tiết kiệm (Asian Development Bank, 2012: 37). Với tiềm năng quan trọng của phụ nữ trong

phong trào, các nhà lãnh đạo đã khuyến khích và tổ chức các lớp đào tạo về lãnh đạo cho phụ nữ (Chang Soo Choe, 2005: 11).

*Thứ hai*, vai trò của phụ nữ trong phong trào làng mới còn được thể hiện qua các tổ chức/hiệp hội của phụ nữ. Chẳng hạn, câu lạc bộ các bà mẹ có vai trò đáng kể trong quá trình thực hiện phong trào. Ví dụ, ở làng Unsi I-ri của tỉnh Gyeonggi, câu lạc bộ các bà mẹ đã gây quỹ của câu lạc bộ (dựa trên việc họ tiết kiệm gạo, thu hái rau tự nhiên và công lao động do họ làm việc cho dự án trồng rừng) để xây dựng một chiếc cầu ở trong làng (Asian Development Bank, 2012: 37).

*Thứ ba*, vai trò của phụ nữ trong phong trào làng mới còn được thể hiện qua những sáng kiến của phụ nữ trong quá trình thực hiện phong trào. Nhiều phụ nữ đã có những sáng kiến được áp dụng trong thực tế như đơn giản hóa quần áo tang lễ, cải thiện nhà bếp cho kinh tế và hiệu quả, hay là thay đổi thói quen uống rượu, hút thuốc và cờ bạc phổ biến trong nam giới. Một ví dụ cụ thể là câu lạc bộ các bà vợ ở làng Chigok của tỉnh South Gyeongsang đã tổ chức một câu lạc bộ tài chính nhỏ để cải thiện thiết bị nhà bếp. Ba mươi thành viên của câu lạc bộ mỗi tháng mỗi người đóng góp 1000 Won. Số tiền này sẽ được dùng để cải thiện nhà bếp cho một thành viên. Sau ba mươi tháng, tất cả các thành viên của câu lạc bộ đã có căn bếp được cải thiện (Asian Development Bank, 2012: 37).

Từ phong trào làng mới và vai trò của phụ nữ trong phong trào làng mới ở Hàn Quốc, chúng ta có thể nêu lên vài điểm liên quan đến xây dựng nông thôn mới và vai trò phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam như sau.

*Thứ nhất*, chương trình xây dựng nông thôn mới nên tiến hành dựa trên việc triển khai các dự án cần thiết đối với từng làng xã/địa phương cụ thể. Tùy vào bối cảnh của từng làng xã để xác định sự cần thiết của các dự án, và từ đó xây dựng kế hoạch, triển khai dự án. Không nên rập khuôn đồng loạt các dự án giống nhau ở tất cả các địa phương, vùng miền. Trong quá trình xây dựng và triển khai các dự án đó, phụ nữ cần đóng vai trò lãnh đạo dự án cùng với nam giới. Việc phụ nữ đóng vai trò lãnh đạo dự án cùng nam giới sẽ đẩy mạnh sự tham gia của nữ giới vào các dự án, phát huy sáng kiến, tiềm năng của phụ nữ trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

*Thứ hai*, cần phát huy vai trò của các tổ chức phụ nữ ở nông thôn trong

quá trình xây dựng nông thôn mới. Các tổ chức này bao gồm cả tổ chức chính thức như hội phụ nữ lẫn phi chính thức như các nhóm tín dụng, tiết kiệm, các phường, hội nghề nghiệp của phụ nữ ở nông thôn, v.v. Dựa trên những tổ chức này, các địa phương có thể triển khai nhiều dự án về sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập cho hộ gia đình; về cải thiện cơ sở hạ tầng liên quan đến sinh hoạt, sản xuất; về xây dựng lối sống, tinh thần tự tưởng phù hợp và đáp ứng yêu cầu của từng địa phương cụ thể.

*Thứ ba*, cần đẩy mạnh sự kết nối nông thôn - đô thị trong quá trình xây dựng nông thôn mới trên các phương diện khác nhau, nhất là hoạt động thương mại, tiêu thụ nông sản. Đối với hoạt động thương mại, tiêu thụ nông sản cần đặc biệt chú trọng đến vai trò của phụ nữ nông thôn. Ở xã hội nông thôn truyền thống, người phụ nữ là nhân vật trung tâm trong lĩnh vực kinh doanh, buôn bán, tiêu thụ sản phẩm. Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, vai trò của phụ nữ trong hoạt động này cần được phát huy. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết trong khuôn khổ đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2016, mã số QG.16.18 “Nghiên cứu đánh giá quá trình thực hiện xây dựng làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới”, được tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại cổ phần và Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV).

### Tài liệu trích dẫn

Asian Development Bank. 2012. “Saemaul Undong Movement in the Republic of Korea: Sharing Knowledge on Community-Driven Development.” Mandaluyong City, The Philippines. (<http://www.adb.org/sites/default/files/publication/29881/saemaul-undong-movement-korea.pdf>). Truy cập tháng 2 năm 2016.

Ban Chấp hành Trung ương. 2008. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp. [http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=24601](http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=24601). Truy cập tháng 8 năm 2016.

Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. 2010. Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Cổng thông tin điện tử chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. [http://nongthonmoi.gov.vn/vn/htvb/vbpq/Lists/LawDocument/View\\_Detail.aspx?ItemID=1294&Page=1](http://nongthonmoi.gov.vn/vn/htvb/vbpq/Lists/LawDocument/View_Detail.aspx?ItemID=1294&Page=1). Truy cập tháng 7 năm 2016.

Chang Soo Choe. 2005. “Key Factors to Successful Community Development:

The. Korean Experience” Institute of Developing Economies-Japan External Trade Organization (DE-JETRO Discussion Paper No.39). <http://www.ide.go.jp/English/Publish/Download/Dp/pdf/039.pdf>. Truy cập tháng 2 năm 2016.

Do Hyun Han. 2012. “The Successful Cases of the Korea’s Saemaul Undong (New Community Movement).” Korea Saemaulundong Center; Ministry of Public Administration and Security (MOPAS), Republic of Korea. [http://211.253.42.153/bitstream/11125/4192/1/11%20English\\_The%20successful%20Cases%20of%20the%20Korea's%20saemaul%20Undong%20\(New%20Commnity%20Movement\).pdf](http://211.253.42.153/bitstream/11125/4192/1/11%20English_The%20successful%20Cases%20of%20the%20Korea's%20saemaul%20Undong%20(New%20Commnity%20Movement).pdf). Truy cập tháng 2 năm 2016.

Joon-Kyung Kim. 2013. Why the Saemaul Undong is So Important to Understanding Korea’s Social and Economic Transformation. Ministry of Trategy and Finance, Korea Saemaulundong Center, KDI School. [https://m.kdevelopedia.org/resource/view/04201404020131199.do#.V74-wq0u\\_IU](https://m.kdevelopedia.org/resource/view/04201404020131199.do#.V74-wq0u_IU). Truy cập tháng 2 năm 2016.

Reed, P Edward. 2010. “Is Saemaul Undong a Model for Developing Countries Today?” Paper prepared for International Symposium in Commemoration of the 40<sup>th</sup> Anniversary of Saemaul Undong Hosted by the Korea Saemaul Undong Center September 30, 2010. <https://asiafoundation.org/resources/pdfs/SaemaulUndongReedSept2010FINAL.pdf>. Truy cập tháng 2 năm 2016.

Saemaul Undong Center. 2016. “Korea’s Development Experience Saemaul Undong”. <http://www.saemaul.com/eng/publications/korea/view?boardType=KOREA&seqNo=601>. Truy cập tháng 8 năm 2016.

Sooyoung Park. 2009. “Analysis of Saemaul Undong: a Korean rural development programme in the 1970s”. *Asia-Pacific Development Journal* 16(2): 113-140.

Thủ tướng Chính phủ. 2009. “Quyết định về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.” Cổng thông tin điện tử Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. [http://nongthonmoi.gov.vn/vn/htvb/vbpbq/Lists/LawDocument/View\\_Detail.aspx?ItemID=1222&Page=1](http://nongthonmoi.gov.vn/vn/htvb/vbpbq/Lists/LawDocument/View_Detail.aspx?ItemID=1222&Page=1). Truy cập tháng 4 năm 2015.

Thủ tướng Chính phủ. 2010. “Quyết định Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.” Cổng thông tin điện tử Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=2&mode=detail&document\\_id=95073](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=2&mode=detail&document_id=95073), truy cập tháng 2 năm 2013.

The National Council of Saemaul Undong Movement. 1997. “Saemaul Undong in Korea.” Seoul, Korea. <http://www.saemaul.com/eng/publications/korea/view?boardType=KOREA&seqNo=320>. Truy cập tháng 2 năm 2016.